

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày: 04 - 01 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Ông Phạm Ngọc Giao.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLPT- DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 382/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Hoàng G, sinh năm 1996;

Người đại diện theo ủy quyền của anh G là: Ông Lê Văn Hoàng, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh Lê Hoàng G là: Luật sư Nguyễn Hồng Thanh – Văn phòng Luật sư Hồng Thanh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Võ Thị M, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 280, ấp Hòa Mỹ, xã Hòa An, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Hoàng G là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Lê Hoàng G trình bày:

Ngày 18/4/2020, chị Võ Thị M có vay của anh số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận miệng là 02%/tháng, mục đích vay tiền để kinh doanh. Khi vay tiền chị M có viết biên nhận nợ, chị M có hẹn khi nào anh cần tiền thì chị M trả tiền cho anh và có đưa cho anh giữ: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu của chị M và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Võ Thị Nhỏ. Sau đó, chị M có nhận lại 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu của chị M. Đến ngày 29/5/2020, chị M tiếp tục vay thêm của anh 100.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 02%/tháng. Khi vay tiền chị M có viết biên nhận nợ. Trong suốt quá trình vay tiền chị M không trả tiền vốn và lãi cho anh như thỏa thuận.

Do đó, anh yêu cầu chị Võ Thị M phải trả cho anh số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/5/2020 và tiền lãi từ ngày 29/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tính tròn là 24 tháng), với mức lãi suất 0,83%/tháng là 19.992.000 đồng; Tổng cộng là 119.992.000 đồng. Anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị M trả số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2020.

- Bị đơn chị Võ Thị M vắng mặt, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Hoàng G.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của anh G về việc yêu cầu chị M trả số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2020.

- Buộc chị Võ Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng G số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 17.430.000 đồng; Tổng cộng là 117.430.000 (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2022 anh Lê Hoàng G làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính lãi cho anh từ ngày 29/5/2020 đến ngày 29/5/2022, tạm tính là 24 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng thành tiền là 19.920.000đ và xem xét về trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của anh đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 23, diện tích 102m² loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng: Chị Võ Thị M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M.

- Về nội dung:

[1] Căn cứ biên nhận ngày 29/5/2020 thể hiện chị M có vay của anh G số tiền 100.000.000 đồng. Biên nhận có chữ ký của chị Võ Thị M. Còn chị M không có ý kiến phản đối yêu cầu của anh G và cũng không có chứng cứ là đã trả cho anh G số tiền này. Do vậy, anh G yêu cầu chị M trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Về phần lãi suất: Anh G yêu cầu chị M trả lãi của số tiền vay 100.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày vay tiền là ngày 29/5/2020 đến ngày 29/5/2022 (Tính tròn là 24 tháng) là có căn cứ một phần. Bởi vì, căn cứ vào biên nhận ngày 29/5/2020 thì thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày vay và không thể hiện hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Anh G cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, xác định là hợp đồng vay không có lãi và có kỳ hạn là 03 tháng. Nên trong thời gian vay từ ngày 29/5/2020 đến ngày 29/8/2020 bên vay không phải trả lãi và từ ngày hết thời hạn vay ngày 30/8/2020 thì bên vay phải trả lãi cho bên cho vay do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị M phải trả lãi cho anh G với lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 30/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/6/2022 (Tính tròn theo yêu cầu của nguyên đơn) là 21 tháng. Tiền lãi được tính là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 17.430.000 \text{ đồng}$.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị M phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho anh G với số tiền tổng cộng là 117.430.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 23, diện tích 102m² tại xã Hòa An, thành phố C không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp của anh G đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh G là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên nên không chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh G, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Hoàng G.
 2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C.
 3. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Hoàng G.
 4. Đình chỉ xét xử yêu cầu của anh Lê Hoàng G về việc yêu cầu chị Võ Thị M trả số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2020.
 5. Buộc chị Võ Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng G số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 17.430.000 đồng; Tổng cộng là 117.430.000 (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
6. Về án phí:
 - + Anh Lê Hoàng G phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0011269 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

+ Anh Lê Hoàng G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 3.164.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007816 ngày 26/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Anh G được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.864.000 đồng.

+ Chị Võ Thị M phải chịu 5.871.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt